

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T C  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/ DS-ST  
Ngày: 26 - 12 - 2022  
V/v *Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về góp hụi*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trang Thị Cẩm Nhuận
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3362/2022/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Thạch Thị Thanh Ng, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Thạch R, sinh năm 1966 và bà Thạch Thị Sa N, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Thạch Thị Thanh Ng là nguyên đơn như sau:**

Bà Thạch Thị Thanh Ng có tham gia góp hụi 08 dây hụi loại 3.000.000 đồng/phần mở cùng ngày 10/12/2019 do bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R làm đầu thảo (chủ hụi) bao gồm: Dây 02, 04, 06, 08, 09,10, 21 và 24. Khi góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng đầu thảo có lập danh sách hụi

viên, hụi mỗi dây gồm 15 phần, nửa tháng khu một lần. Khi mỗi hụi viên hốt hụi thì đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 900.000 đồng. Trong 08 dây hụi này bà Ng tham gia mỗi dây 01 phần lấy tên là “Mau Rurôn” hoặc “Mao Ròn”. Bà Sa N đã ngưng khai hụi, số tiền vốn bà Ng đã đóng cho bà Sa N cụ thể như sau:

Dây hụi số 04 đóng được 12.460.000 đồng; Dây 02 đóng 13.480.000 đồng; Dây 06 đóng được 12.170.000 đồng; Dây 08 đóng được 13.130.000 đồng; Dây 09 đóng được 12.970.000 đồng; Dây số 10 đóng được 13.140.000 đồng; Dây 21 đóng được 13.520.000 đồng; Dây số 24 đóng 13.210.000 đồng; Tổng cộng số tiền vốn (hụi sống) bà Ng đã đóng cho bà Thạch Thị Sa N là 104.080.000 đồng.

Nay bà Thạch Thị Thanh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N trả nợ hụi đối với 08 dây hụi nêu trên với số tiền vốn 104.080.000 đồng. Bà Thạch Thị Thanh Ng không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bà Thạch Thị Thanh Ng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt với lý do trong thời gian Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa gia đình bà Ng có tổ chức lễ cưới cho con trai ruột của mình.

***Bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R là đồng bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.***

**Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:** Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39; 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Ng. Buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N phải trả cho bà Thạch Thị Thanh Ng số tiền nợ hụi 104.080.000 đồng. Do bà Ng không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị Thanh Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều

lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị Thanh Ng, bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R.

Về quan hệ pháp luật: Bà Thạch Thị Thanh Ng khởi kiện bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R để yêu cầu trả tiền nợ hui. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện bà Thạch Thị Thanh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R phải trả nợ hui với số tiền vốn bằng 104.080.000 đồng đối với 08 dây hui loại 3.000.000 đồng/phần mở cùng ngày 10/12/2019, gồm các dây hui: Dây 02, 04, 06, 08, 09,10, 21 và 24. Bà Ng không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Thạch Thị Thanh Ng với bà Thạch Thị Sa N có hợp đồng góp hui với nhau là có thật. Tuy khi góp hui các bên không lập thành văn bản nhưng chủ hui có lập danh sách hui viên và gửi cho các hui viên tham gia, qua xác minh các hui viên trong các dây hui như bà Thạch Thị S, bà Sơn Thị Th, bà Sơn Thị Ngọc Ch, bà Thạch Thị H và ông Lâm Xuân thể hiện bà Thạch Thị Thanh Ng có tham gia góp 08 dây hui loại hui 3.000.000 đồng /phần mở cùng ngày 10 tháng 12 năm 2019 gồm các dây: Dây 02, 04, 06, 08, 09,10, 21 và 24 do bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R làm đầu thảo. Đồng thời qua đối chiếu nợ hui giữa bà Thạch Thị Thanh Ng và bà Thạch Thị Sa N thì bà Sa N đã thừa nhận bà Ng có tham gia các dây hui do bà Sa N làm đầu thảo, trong 08 dây hui trên bà Ng đã đóng hui sống cho bà Sa N được tổng số tiền vốn là 104.080.000 đồng.

[4] Xét việc bà Sa N và ông Thạch R với vai trò là chủ hui, là người tổ chức, quản lý dây hui, thu các phần hui và giao lại cho các thành viên được lĩnh hui trong mỗi kỳ mở hui cho tới khi kết thúc dây hui nhưng bà Sa N ngưng khai hui khi chưa kết thúc dây hui là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, biêu, phường. Do đó căn cứ vào Điều 15, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP việc bà Thạch Thị Thanh Ng khởi kiện bà Sa N, ông R để yêu cầu trả nợ hui là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét thấy ông Thạch R, bà Thạch Thị Sa N là vợ chồng, việc góp hui diễn ra công khai trong một thời gian dài, việc góp hui thu lợi cũng phục vụ cho nhu cầu của gia đình nên ông Thạch R, bà Thạch Thị Sa N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Ng số tiền nợ hui 104.080.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về tiền lãi, do bà Thạch Thị Thanh Ng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do bà Thạch Thị Thanh Ng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Ng.** Buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Thanh Ng số tiền là 104.080.000 đồng đối với 08 dây hụi loại 3.000.000 đồng/phần mở cùng ngày 10/12/2019, gồm các dây hụi: Dây 02, 04, 06, 08, 09, 10, 21 và 24.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí:** Buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.204.000 đồng.

Bà Thạch Thị Thanh Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Thanh Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C, cụ thể như sau:

- Số tiền 349.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0002266 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 328.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0002267 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 382.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002263 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 373.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002264 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 369.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0002262 ngày 13/4/2021;

- Số tiền 345.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0002269 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 363.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002261 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 338.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014441 ngày 23/12/2022;

**3.** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Tùng**